

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Điều chỉnh theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH, ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh
Mã ngành: 7140231
Loại hình đào tạo: Chính quy
Số tín chỉ: 135

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành sư phạm tiếng Anh có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục, có kỹ năng sư phạm, có phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt nhằm đáp ứng những yêu cầu về đổi mới trong giáo dục hiện nay ở Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Anh đào tạo ra những cử nhân có kiến thức tốt về ngôn ngữ Anh và có thể sử dụng tiếng Anh bậc 5 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; có hiểu biết về văn hóa và môi trường địa phương, khu vực; có tri thức về hoạt động dạy học tiếng Anh và sự hiểu biết về đối tượng người học; có các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; có khả năng thích ứng cao, năng động và linh hoạt; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn; có thể tích lũy những phẩm chất và kỹ năng quan trọng để trở thành cán bộ giảng dạy ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh nói riêng và ngành sư phạm nói chung.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Chuẩn về kiến thức

2.1.1. Khối kiến thức chung

Vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin nhằm nâng cao trình độ, nhận thức về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, đồng thời tạo nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức về cơ sở ngành và chuyên ngành.

Hiểu biết một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và các ngành luật cụ thể của hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng.

Vận dụng được những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao để tự rèn luyện tăng cường sức khỏe. Vận dụng được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao cộng đồng.

Hiểu rõ được nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

2.1.2. Khối kiến thức chung theo lĩnh vực

Nhận diện được văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

Ghi nhớ được các nguyên tắc thực hành tiếng Việt trong giao tiếp, đặc biệt là trong giao tiếp bằng văn bản như tiếp nhận văn bản, tạo lập văn bản.

2.1.3. Khối kiến thức chung của khối ngành

Vận dụng được các kiến thức về tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và công nghệ trong giảng dạy vào thực tiễn công tác.

Hiểu được kiến thức nền tảng về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin và ứng dụng của công nghệ thông tin trong dạy học.

Giải thích được bản chất của quá trình dạy và học ngoại ngữ để phục vụ công tác chuyên môn sau này.

2.1.4. Khối kiến thức chung của nhóm ngành

Hiểu được kiến thức cơ bản của tiếng Anh như là một hệ thống bao gồm tri thức về ngữ âm và âm vị học tiếng Anh, ngữ nghĩa học tiếng Anh và ngữ pháp tiếng Anh; vận dụng được những kiến thức về những vấn đề đó trong công việc chuyên môn như giảng dạy hoặc nghiên cứu.

Ghi nhớ được những nét cơ bản về văn học và văn hoá nói chung của các nước nói tiếng Anh chính như Anh và Hoa Kỳ, một số nước nói tiếng Anh khác bao gồm các mặt về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục. Có khả năng so sánh, đối chiếu với văn hóa Việt Nam và đưa các kiến thức văn hóa vào việc giảng dạy.

2.1.5. Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp

Mô tả được những yêu cầu về năng lực ngôn ngữ Bậc 1, Bậc 2, Bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và vận dụng trong dạy học.

Ghi nhớ được Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh theo từng cấp học và có khả năng sử dụng sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu chương trình trong thiết kế bài giảng.

Giải thích được đặc điểm phát triển ngôn ngữ của học sinh theo từng giai đoạn. Từ đó, điều chỉnh hoạt động dạy học cho phù hợp với học sinh.

Phân biệt rõ những yêu cầu khác nhau về kiến thức kỹ năng theo từng cấp học của Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh và có khả năng đánh giá, điều chỉnh để có thể sử dụng sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu chương trình trong thiết kế bài giảng.

Nhận diện được các phương pháp, đường hướng khác nhau trong lịch sử phát triển phương pháp dạy học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

Vận dụng được hệ thống phương pháp, kỹ thuật dạy học tiếng Anh để dạy các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.

Hiểu rõ về các hình thức kiểm tra, đánh giá, xây dựng các đề kiểm tra và thi, tổ chức thực hiện việc đánh giá thường xuyên, định kì kết quả học tập và năng lực tiếng Anh của học sinh; biết sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy và học.

Vận dụng được kiến thức về thiết kế bài giảng, phát triển tư liệu dạy học.

Có kiến thức thực tiễn về hoạt động của trường phổ thông và một số cơ sở giáo dục khác để có thể nhanh chóng thích nghi với môi trường công tác sau khi tốt nghiệp.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

2.2.1.1. Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề.

Có khả năng tổ chức quản lý các hoạt động giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học, phát triển năng lực tự học, tự tổ chức hoạt động học tập cá nhân và theo nhóm của người học.

Có khả năng xây dựng hoạt động, giáo án, kế hoạch, chương trình giảng dạy theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục.

Có năng lực thực hiện kế hoạch dạy học tiếng Anh đảm bảo kiến thức môn học, làm chủ kiến thức môn học, đảm bảo nội dung dạy học chính xác, có hệ thống, vận dụng hợp lý các kiến thức liên môn theo yêu cầu cơ bản, hiện đại, thực tiễn.

Có năng lực phân biện, đổi mới thực hiện chương trình một cách linh hoạt cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế mà vẫn đảm bảo được mục tiêu và yêu cầu chung của chương trình.

Có kỹ năng lựa chọn và khai thác các nguồn tài liệu, học liệu phù hợp và có tác dụng bổ trợ cho việc học tiếng Anh của học sinh; điều chỉnh nội dung các học liệu có sẵn cho phù hợp với mục tiêu bài học.

Có năng lực tổ chức việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả việc giảng dạy tiếng Anh và kích thích sự đam mê tìm tòi, khám phá và tự học ở người học.

Có năng lực giao tiếp, đồng cảm với người học, tự học, biết sử dụng công nghệ tiên tiến và phương tiện dạy học đa dạng trong dạy học, chuẩn bị bài và gây hứng thú trong môn học.

Có khả năng bồi dưỡng, chia sẻ, nhân rộng tri thức và kỹ năng tích lũy được với đồng nghiệp nhằm thúc đẩy và nâng cao tinh thần và năng lực đổi mới trên diện rộng, có trách nhiệm xây dựng và mở rộng cộng đồng học tập và tiến bộ tại đơn vị công tác.

2.2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực giảng dạy hay nghiên cứu ở mức độ cải tiến; có khả năng đưa ra giải pháp và đưa/viết đề xuất, kiến nghị.

2.2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

Có năng lực đổi mới, sáng tạo, thử nghiệm, triển khai và đánh giá tri thức, sản phẩm và phương thức mới nhằm thực hiện công việc và nhiệm vụ sư phạm được giao, phát triển nghề nghiệp, đáp ứng những yêu cầu mới trong giáo dục.

Có khả năng hình thành các giả thuyết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực giảng dạy.

Có khả năng tìm kiếm cơ hội góp phần phát triển công tác giảng dạy tiếng Anh ở trường, địa phương, trong nước.

2.2.1.4. Kỹ năng tư duy một cách hệ thống

Có khả năng phát triển tư duy logic, hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn nói riêng và các vấn đề văn hóa – xã hội nói chung.

2.2.1.5. Khả năng nhận biết và phân tích bối cảnh và ngoại cảnh tác động đến cơ sở làm việc, ngành nghề

Có khả năng tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.

2.2.1.6. Kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài đơn vị làm việc

Có khả năng phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng để hỗ trợ, giúp đỡ việc học tập tiếng Anh, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh; huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường.

2.2.1.7. Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn

Có khả năng vận dụng linh hoạt sáng tạo các phương pháp, hình thức giáo dục tư tưởng, tình cảm, thái độ thông qua việc giảng dạy môn học trong các hoạt động chính khoá và ngoại khoá, công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, hay các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công ích, hoạt động xã hội theo kế hoạch đã xây dựng và theo tình huống xã hội cụ thể, phù hợp đối tượng, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra.

2.2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

Có năng lực xây dựng môi trường học tập tiếng Anh tại trường, địa phương, quốc gia hay trong khu vực: tạo dựng môi trường học tập dân chủ, thân thiện, hợp tác, cộng tác, thuận lợi, an toàn và lành mạnh.

2.2.2. Kỹ năng mềm

2.2.2.1. Kỹ năng tự chủ

Có thể quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân, thích ứng với sự phức tạp của thực tế và xử lý tốt khi gặp áp lực trong công việc, tự đánh giá kết quả công việc, lập kế hoạch, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

2.2.2.2. Kỹ năng làm việc theo nhóm

Có thể hình thành nhóm làm việc hiệu quả, vận hành và phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên...), làm việc trong các nhóm khác nhau, xử lý xung đột trong nhóm.

2.2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

Có thể lãnh đạo, quản lý những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp.

2.2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

Có thể giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và viết, có hay không có sự chuẩn bị từ trước.

Có thể áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

2.2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

Có thể giao tiếp được bằng ngoại ngữ (tiếng Anh) với trình độ bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu châu Âu.

Có thể giao tiếp được bằng tiếng Trung Quốc với trình độ tương đương B1 trở lên.

2.2.2.6. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ

Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng như Word, Excel, Powerpoint và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn

Thành thạo việc tìm kiếm tài liệu trên Internet; biết chọn lọc, biên soạn, chỉnh lý, sử dụng và đánh giá những tài liệu này nhằm phục vụ việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

2.3. Về phẩm chất đạo đức

2.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

Xác định rõ Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động trong thực tiễn. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

Có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng. Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; có tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

2.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

Không ngừng học hỏi, đổi mới và bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, kỹ năng, tác phong và phẩm chất nghề nghiệp.

Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và môi trường giáo dục; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

Ứng xử thân thiện, khiêm tốn, nhiệt tình và trách nhiệm với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp, xây dựng tập thể sư phạm tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục và giảng dạy tiếng Anh.

Có thái độ thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng, công khai, minh bạch và tác phong chuyên nghiệp với học sinh, giúp cá nhân và tập thể học sinh khắc phục khó khăn để học và sử dụng tiếng Anh có hiệu quả.

2.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân.

Có tư cách, tác phong đúng đắn của người giáo viên.

Có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đối với việc giảng dạy tiếng Anh; thể hiện rõ tính chuyên nghiệp trong giảng dạy. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường.

Có khả năng xây dựng và thực hiện kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng; biết khai thác các nguồn thông tin, tài liệu, học liệu để nâng cao kiến thức và phát triển kỹ năng.

Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

Có năng lực độc lập, tự chủ trong tổ chức các hoạt động trau dồi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực phát hiện, giải quyết công việc một cách chủ động, linh hoạt, khoa học, hiệu quả, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu về năng lực của một giáo viên Tiếng Anh;

Có ý thức trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc làm việc của đơn vị, hợp tác với đồng nghiệp, có trách nhiệm vận động các lực lượng trong và ngoài nhà trường thực hiện xã hội hoá giáo dục.

2.5. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Sư phạm tiếng Anh có thể đảm nhận các vị trí như: giáo viên tiếng Anh ở các trường trung học phổ thông và các cơ sở đào tạo tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân; làm việc trong các lĩnh vực chuyên môn khác yêu cầu về kiến thức văn hóa, xã hội và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ (không tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Khối kiến thức chung	27 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	108 tín chỉ

Trong đó:

Kiến thức cơ sở ngành	11 tín chỉ
Kiến thức chuyên ngành	79 tín chỉ
Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	11 tín chỉ
Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	07 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định tại Điều 27 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành.

6. Thang điểm: Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên môn học	Số TC	Loại tiết tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lên lớp		TS tiết (x hệ số)	Tự học	
				LT	TH			
7.1. Khối kiến thức chung			27	(không kể GDTC&GDQP)				
Bắt buộc			25					
1	LNL0001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	65	10	85	150	
2	LTU0001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	5	35	60	LNL0001
3	LDL0001	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	40	5	50	90	LTU0001
4	LNL0026	Pháp luật đại cương	2	25	5	35	60	
5	NTH0001	Tiếng Trung Quốc 1	5	75		75	150	
6	NTH0002	Tiếng Trung Quốc 2	5	75		75	150	NTH0001
7	TTH0002	Tin học cơ sở	3	30	15	60	90	
8	GDT0001	Giáo dục thể chất 1	1	5	10	25	30	
9	GDT0002	Giáo dục thể chất 2	2				60	GDT0001
10	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng				165		
Tự chọn 1			2	SV chọn học 1 trong các học phần sau				

	VVN0002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	5	35	60	
	SVH0001	Văn hóa Tây Bắc	2	27	3	33	60	
110	VTV0008	Tiếng Việt thực hành	2	25	5	35	60	
	VTV0009	Soạn thảo văn bản	2	15	15	45	60	
	TTH0003	Tin học nâng cao	2	20	10	40	60	TTH0002
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			108					
7.2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành			11					
Bắt buộc			9					
12	TLG0001	Tâm lý học	3	37	8	53	90	
13	TLG0002	Giáo dục học	4	55	5	65	120	TLG0001
14	QLN0001	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	28	2	32	90	
Tự chọn 2			2	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
15	TLG0003	Giao tiếp sư phạm	2	30		30	60	TLG0001
	KHH0001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	6	36	60	
7.2.2. Kiến thức chuyên ngành			79					
7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành			48					
Bắt buộc								
16	NTH0028	Kỹ năng nghe-nói 1	4	60		60	120	
17	NTH0029	Kỹ năng đọc-viết 1	4	60		60	120	
18	NTH0030	Kỹ năng nghe-nói 2	4	60		60	120	NTH0028
19	NTH0031	Kỹ năng đọc-viết 2	4	60		60	120	NTH0029
20	NTH0032	Kỹ năng nghe-nói 3	4	60		60	120	NTH0030
21	NTH0033	Kỹ năng đọc-viết 3	4	60		60	120	NTH0031
22	NTH0034	Kỹ năng nghe-nói 4	4	60		60	120	NTH0032
23	NTH0035	Kỹ năng đọc- viết 4	4	60		60	120	NTH0033
24	NTH0007	Kỹ năng nghe 5	2	30		30	60	NTH0034
25	NTH0013	Kỹ năng nói 5	2	30		30	60	NTH0034
26	NTH0019	Kỹ năng đọc 5	2	30		30	60	NTH0035
27	NTH0026	Kỹ năng viết 5	2	30		30	60	NTH0035
28	NTH0008	Kỹ năng nghe 6	2	30		30	60	NTH0007

29	NTH0036	Kỹ năng nói 6	2	30		30	60	NTH0013
30	NTH0020	Kỹ năng đọc 6	2	30		30	60	NTH0019
31	NTH0027	Kỹ năng viết 6	2	30		30	60	NTH0026
7.2.2.2 Khối kiến thức chuyên sâu của ngành			31					
Bắt buộc								
32	NLT0028	Ngữ pháp cơ bản	4	50	10	70	120	
33	NPP0049	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 1	2	30		30	60	
34	NPP0050	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 2	4	50	10	70	120	NPP0049
35	NPP0051	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 3	4	50	10	70	120	NPP0050
36	NLT0029	Ngữ âm cơ bản	4	55	5	65	120	
37	NLT0030	Dịch cơ bản	3	40	5	50	90	
38	NPP0052	Tiếng Anh cho giáo viên	2	25	5	35	60	
39	NLT0032	Đất nước học	3	45		45	90	
40	NLT0039	Giao tiếp giao văn hóa	3	45		45	90	
41	NPP0053	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ	2	25	5	35	60	
7.2.3. NVSP và thực tập chuyên môn			11					
42	NNV0001	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1	2	30		30	60	
43	NNV0002	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2	2	30		30	60	
44	NVS0005	Thực tập sư phạm 1	2			90	60	
45	NVS0006	Thực tập sư phạm 2	5			225	150	
7.2.4. Khóa luận hoặc tương đương			7					
46	KLT0001	Khóa luận	7					
Tự chọn 5			7	SV không làm khoá luận chọn học 7 tín chỉ trong các học phần sau				
46 47 48	NLT0043	Ngữ nghĩa học	2	30		30	60	
	NLT0044	Ngữ pháp nâng cao	3	45		45	90	NLT0028
	NLT0045	Ngữ âm và âm vị học	2	30		30	60	NLT0029
	NLT0047	Biên dịch	3	45		45	90	NLT0030
	NLT0048	Phiên dịch	4	45		45	120	NLT0030
	NLT0033	Tiếng Anh Du lịch	4	60		60	120	NLT0032
	NLT0049	Tiếng Anh Nhà hàng- Khách sạn	3	45		45	90	NLT0039

8. Dự kiến kế hoạch đào tạo

8.1. Dự kiến kế hoạch đào tạo (4 năm)

Học kỳ	Học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
I	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin	5	75
	Tâm lý học	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Kỹ năng nghe-nói 1	4	60
	Kỹ năng đọc-viết 1	4	60
	Giáo dục quốc phòng		165
	Số ĐVTC	18	
II	Kỹ năng nghe-nói 2	4	60
	Kỹ năng đọc-viết 2	4	60
	Ngữ âm cơ bản	4	65
	Tin học cơ sở	3	45
	Giáo dục học	4	60
	Giáo dục thể chất 1	1	15
	Số ĐVTC	19	
III	Kỹ năng nghe-nói 3	4	60
	Kỹ năng đọc-viết 3	4	60
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1	2	30
	Ngữ pháp cơ bản	4	70
	Đất nước học	3	45
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Giáo dục thể chất 2	2	30
	Số ĐVTC	18	
IV	Kỹ năng nghe-nói 4	4	60
	Kỹ năng đọc-viết 4	4	60
	Dịch cơ bản	3	50
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2	2	30
	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	30
	Tự chọn 1	2	30
	Số ĐVTC	18	
V	Kỹ năng nghe 5	2	30
	Kỹ năng nói 5	2	30
	Kỹ năng đọc 5	2	30
	Kỹ năng viết 5	2	30
	Tự chọn 2	2	30

	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 1	2	30
	Tiếng Trung Quốc 1	5	75
	Số ĐVTC	17	
VI	Kỹ năng nghe 6	2	30
	Kỹ năng viết 6	2	30
	Kỹ năng đọc 6	2	30
	Kỹ năng nói 6	2	30
	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 2	4	70
	Tiếng Trung Quốc 2	5	75
	Thực tập sư phạm 1	2	90
	Số ĐVTC	19	
VII	Tiếng Anh cho giáo viên	2	35
	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ	2	35
	Giao tiếp giao văn hóa	3	45
	Phương pháp giảng dạy TA 3	4	70
	Khoá luận (hoặc Tự chọn 5)	7	105
	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2	30
	Số ĐVTC	20	
VIII	Thực tập sư phạm 2	5	225
	Số ĐVTC	5	

8.2. Dự kiến kế hoạch đào tạo (3 năm)

Học kỳ	Học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
I	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin	5	75
	Tâm lý học	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Kỹ năng nghe-nói 1	4	60
	Kỹ năng đọc-viết 1	4	60
	Giáo dục quốc phòng		165
	Số ĐVTC	18	
II	Kỹ năng nghe-nói 2	4	60
	Kỹ năng đọc-viết 2	4	60
	Ngữ pháp cơ bản	4	60
	Tin học cơ sở	3	45
	Giáo dục học	4	60
	Ngữ âm cơ bản	4	60

	Giáo dục thể chất 1		
	Số ĐVTC	23	
HK phụ	Tiếng Trung Quốc 1	5	75
	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 1	2	30
	Số ĐVTC	7	
III	Kỹ năng nghe-nói 3	4	60
	Kỹ năng đọc-viết 3	4	60
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1	2	30
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Tiếng Anh cho giáo viên	2	35
	Tiếng Trung Quốc 2	5	75
	Dịch cơ bản	3	45
	Giáo dục thể chất 2		
	Số ĐVTC	22	
IV	Kỹ năng nghe-nói 4	4	60
	Kỹ năng đọc-viết 4	4	60
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2	2	30
	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45
	Cơ sở văn hóa Việt Nam /Tiếng Việt thực hành	2	30
	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 2	4	60
	Số ĐVTC	19	
HK phụ	Kỹ năng nghe 5	2	30
	Kỹ năng nói 5	2	30
	Kỹ năng đọc 5	2	30
	Kỹ năng viết 5	2	30
	Số ĐVTC	8	
V	Giao tiếp sư phạm	2	30
	Kỹ năng nghe 6	2	30
	Kỹ năng viết 6	2	30
	Kỹ năng đọc 6	2	30
	Kỹ năng nói 6	2	30
	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2	
	Thực tập sư phạm 1	2	90
	Công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ	2	35
	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 3	4	60

	Đất nước học	3	45
	Số ĐVTC	21	
VI	Giao tiếp giao văn hóa	3	45
	Thực tập sư phạm	5	225
	Khoá luận (hoặc Tự chọn 5)	7	105
	Số ĐVTC	17	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình thực hiện chương trình căn cứ vào quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời căn cứ vào những quy định hiện hành của Trường Đại học Tây Bắc và Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình.

Đối với chương trình chi tiết của từng học phần, quá trình thực hiện có thể được đổi mới theo hướng đem lại hiệu quả cao trong đào tạo. Sự thay đổi này phải được thông qua Bộ môn, Khoa và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

Đỗ Thị Thanh Trà

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

(Đã ký)

TS. Đinh Thanh Tâm